TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN P** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2023/HS-ST
Ngày: 10-4-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Trí T.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị A.

Bà Lê Thị Phương M.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lê M1 – Thư ký Toà án nhân dân huyện P, Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, Thành phố Hà Nội *tham gia phiên toà:* Ông Hoàng Đức T1 - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 4 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện P, Thành phố Hà Nội xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 12/2023/TLST-HS ngày 16 tháng 3 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2023/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 3 năm 2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Vũ Văn V**, sinh năm 1990; Nơi sinh: Thành phố Hà Nội; Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và chỗ ở: thôn A, xã Đ, huyện P, thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 05/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Công giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Vũ Văn C, sinh năm 1966; Con bà: Nguyễn Thị V1, sinh năm 1969; Vợ: Nguyễn Thị M2, sinh năm 1986; có 02 con, lớn sinh năm 2017, nhỏ sinh năm 2020; Tiền án, tiền sự: Không (Theo danh chỉ bản số 86 lập ngày 15/5/2022 tại Công an huyện P và lý lịch bị can phản ánh); Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/4/2022 đến ngày 29/4/2022 được hủy bỏ biện pháp tạm giữ, hiện đang bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt).

Người đại diện theo pháp luật của bị cáo: Ông Vũ Văn C, sinh năm 1966; trú tại: thôn A, xã Đ, huyện P, thành phố Hà Nội (Có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Nghiêm Đức H – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước thành phố Hà Nội (Có mặt).

Người bị hại: Anh Vũ Văn S, sinh năm 1987 ; HKTT : Thôn A, xã Đ, huyện P, thành phố Hà Nội (Xin xét xử vắng mặt).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Chị Nguyễn Thị P, sinh năm 1977; HKTT: Thôn V, xã Q, huyện P, thành phố Hà Nội. (Xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng gần 21 giờ ngày 22/4/2022 V điều khiển xe máy nhãn hiệu ESPERO mang BKS 29AB – 175.63 đến nhà thờ thôn A, xã Đ để học hát, một lúc sau V ra về thì có thấy 01 chiếc xe máy Airblade màu đen BKS 34P4 – 7888 của anh Vũ Văn S ở cùng thôn dựng ở lán để xe nhưng không khóa cổ. V quan sát thấy không có người trông giữ nên đã nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe trên để bán lấy tiền tiêu sài. V để lại xe máy BKS 29AB – 175.63 của V tại nhà thờ và dắt chiếc xe máy Honda Airblade BKS 34P4 – 7888 ra khỏi nhà thờ, dắt xe đi theo đường cánh đồng sang thôn V, xã Q. Khi đi đến địa phận thôn V, xã Q; V nhìn thấy nhà chị Nguyễn Thị P đang dệt lưới nên V dắt xe vào và nói với chị P là *"Em không có chìa khoá chị cho em gửi xe ở đây mai em lấy"*. Thấy V nói thế, chị P đồng ý thì V dắt xe máy vừa trộm được vào nhà chị P gửi nhờ. Sau đó V đi bộ về nhà thờ lấy xe máy của mình rồi đi về nhà.

Khoảng 21 giờ 30 phút cùng ngày, sau khi học hát ra về, anh S ra lấy xe thì phát hiện chiếc xe máy để ở lán để xe nhà thờ thôn A bị mất trộm, nên đã đến công an xã Đ trình báo sự việc. Công an xã Đ đã tiến hành xác minh sơ bộ và ngày 23/4/2022, rà soát phát hiện vật chứng của vụ án là chiếc xe máy Honda Airblade BKS 34P4 – 7888 đang được cất giấu tại nhà chị P nên đã thu giữ vật chứng đồng thời chuyển hồ sơ đến Công an huyện P để giải quyết theo thẩm quyền.

Khoảng 18 giờ 30 phút ngày 23/4/2022, V đi chiếc xe máy Espero BKS 29AB – 175.63 đi đến nhà chị P để lấy chiếc xe máy mà V trộm được. Khi đến nơi thì bị lực lượng công an huyện P bắt giữ khẩn cấp. Tại CQĐT, V đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Vật chứng thu giữ:

- Thu của chị Nguyễn Thị P: 01 chiếc xe máy Honda Airblade màu đen, BKS 34P4-7888, số khung 05 AY 513809, số máy 27E0533306

- Thu của Vũ Văn V: 01 chiếc xe máy nhãn hiệu ESPERO màu ghi, BKS29AB-175.63 số khung: RPEVCBJPELA491876, số máy VDEJQ 139 FMBC 491876 và 01 đăng ký xe máy nhãn ESPERO BKS 29AB-175.63 tên chủ xe Vũ Văn V;

- Thu giữ của Vũ Văn S: 01 đăng ký xe máy nhãn Honda Airblade BKS 34P4 – 7888 tên chủ xe Khổng Thị Kim D;

Tại bản kết luận định giá tài sản số 22 ngày 25/4/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện P kết luận: Chiếc xe máy Honda Airblade biển số 34P4-7888, xe đã qua sử dụng có giá trị là 14.500.000 đồng.

Cơ quan CSĐT – Công an huyện P đã điều tra xác định được nguồn gốc chiếc xe máy Honda Airblade BKS 34P4 – 7888 đăng ký mang tên chị Khổng Thị Kim D, SN 1990 trú tại TT T1, huyện T, tỉnh Hải Dương. Chị D đã bán chiếc xe trên năm 2014 cho một người tên P (không rõ địa chỉ) ở Hải Phòng. Đến tháng 5/2019, anh Nguyễn Văn H, SN 1975 trú tại thôn S1, xã S, huyện P mua chiếc xe trên ở một cửa hàng xe máy cũ ở Bắc Ninh, đến cuối năm 2021, anh H đã bán lại cho Vũ Văn S. Tra cứu chiếc xe trên không nằm trong cơ sở dữ liệu xe máy vật chứng.

Về dân sự: Anh Vũ Văn S không yêu cầu đề nghị bồi thường gì nên không đề cập xử lý.

Về việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật, xử lý vật chứng: 01 chiếc xe máy Honda Airblade màu đen, BKS 34P4-7888, số khung 05AY513809, số máy 27E0533306 và 01 chiếc xe máy nhãn hiệu ESPERO màu ghi, BKS 29AB-175.63 số khung: RPEVCBJPELA491876, số máy VDEJQ139FMBC491876 chuyển đến Chi cục thi hành án dân sự huyện P.

01 đăng ký xe ESPERO BKS29AB-175.63 tên chủ xe Vũ Văn V và 01 đăng ký xe máy Honda Airblade BKS 34P4 – 7888 tên chủ xe Khổng Thị Kim D chuyển kèm hồ sơ vụ án;

Tại đơn xin bãi nại ngày 30/6/2022 của người bị hại là anh Vũ Văn S và đơn xin giảm nhẹ hình phạt ngày 08/7/2022 của ông Vũ Văn C là bố đẻ bị cáo Vũ Văn V (Có xác nhận của UBND xã Đ) và lời trình bày của anh S, ông C đều xác nhận bị cáo bị bệnh thần kinh từ nhỏ, không ý thức được việc mình làm, do vậy ngày 23/8/2022, CQĐT đã ra Quyết định trưng cầu giám định pháp y tâm thần đối với Vũ Văn V tại Viện Pháp y tâm thần Trung ương. Tại bản kết luận giám định pháp y tâm thần theo trưng cầu số 406/KLGĐ ngày 28/12/2022 của Viện Pháp y tâm thần Trung ương – Bộ Y tế kết luận: Trước, trong khi thực hiện hành vi phạm tội và tại thời điểm giám định bị can Vũ Văn V bị bệnh chậm phát triển nhẹ: Theo phân loại bệnh quốc tế lần thứ 10 năm 1992 bệnh có mã số F70. Tại các thời điểm trên bị can hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi.

Tại cơ quan điều tra, Vũ Văn V đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội, phù hợp với vật chứng thu giữ, kết luận giám định, kết luận định giá, lời khai bị hại, lời khai của nhân chứng, người liên quan và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Tại phiên tòa:

Bị cáo Vũ Văn V khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã khai tại cơ quan điều tra. Bị cáo thừa nhận nội dung bản cáo trạng truy tố đúng với hành vi bản thân đã thực hiện. Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, tỏ ra hối hận và đề nghị Tòa xem xét, giảm nhẹ hình phạt.

Bản Cáo trạng số 12/CT-VKS ngày 14/3/2023 Viện kiểm sát nhân dân huyện P truy tố bị cáo Vũ Văn V về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát huyện P giữ quyền công tố luận tội và tranh luận giữ nguyên quan điểm truy tố

và đề nghị: xử phạt Vũ Văn V từ 12 tháng đến 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội "Trộm cắp tài sản", thời gian thử thách gấp đôi; Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo. Bị cáo là hộ cận nghèo thuộc diện được miễn án phí HSST. Về vật chứng: Trả lại anh Vũ Văn S 01 chiếc xe máy Honda Airblade màu đen, BKS 34P4-7888, số khung 05AY513809, số máy 27E0533306 và 01 đăng ký xe máy Honda Airblade BKS 34P4 – 7888 đứng tên chủ xe Khổng Thị Kim D. Trả lại cho bị cáo Vũ Văn V: 01 chiếc xe máy nhãn hiệu ESPERO màu ghi, BKS 29AB-175.63 số khung: RPEVCBJPELA491876, số máy VDEJQ139FMBC491876 kèm theo đăng ký xe ESPERO BKS29AB-175.63 tên chủ xe Vũ Văn V. Về án phí: Bị cáo Vũ Văn V là hộ cận nghèo nên được miễn nộp án phí hình sự sơ thẩm.

Người bào chữa cho bị cáo có quan điểm: Nhất trí với lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát về tội danh và điều luật áp dụng. Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Tòa giảm nhẹ hình phạt.

Người đại diện theo pháp luật của bị cáo có quan điểm: Đề nghị Tòa giảm nhẹ hình phạt do bị cáo bị bệnh thần kinh tăng động từ nhỏ.

Lời nói sau cùng bị cáo thành khẩn nhận tội, hứa sẽ sửa chữa, đề nghị Hội đồng xét xử khoan hồng, giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cở sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi và tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện P, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện P, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, lời khai của người tham gia tố tụng khác và các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập hợp lệ, đủ cơ sở kết luận:

Khoảng hơn 21 giờ ngày 22/4/2022, tại nhà thờ thôn A, xã Đ, huyện P, TP Hà Nội, Vũ Văn V có hành vi trộm cắp chiếc xe máy Honda Airblade biển kiểm soát 34P4-7888 trị giá 14.500.000 đồng của anh Vũ Văn S rồi mang đến nhà chị Nguyễn Thị P ở thôn V, xã Q, huyện P gửi nhờ thì bị phát hiện, bắt giữ.

Đối chiếu với quy định của pháp luật, hành vi của Vũ Văn V đã phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát nhân dân huyện P truy tố bị cáo V ra xét xử về tội danh và điều luật đã viện dẫn là có căn cứ, đúng pháp luật.

Hành vi của bị cáo V là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Vì vậy, cần thiết áp dụng hình phạt tù có thời hạn mới tương xứng với mức độ nguy hiểm do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra để giáo dục, cải tạo bị cáo và răn đe, phòng ngừa tội phạm.

Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt, là người bị hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo V đã thành khẩn khai báo và tỏ ra ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, người bị hại có đơn xin bãi nại cho bị cáo, bị cáo là người bị hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi, do đó cần cho bị cáo Vinh hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, q, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Khi lượng hình, xét bị cáo có nhân thân tốt, là người bị hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi, có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, thời gian tạm giữ đã đủ để bị cáo thấm thía với tội lỗi của mình, nên chưa cần bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù, cho bị cáo được cải tạo ngoài xã hội cũng đủ để giáo dục bị cáo sớm trở thành người có ích cho xã hội, thể hiện chính sách khoan hồng theo nguyên tắc xử lý của pháp luật hình sự.

Về hình phạt bổ sung là phạt tiền: Bị cáo thuộc diện hộ cận nghèo, không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định nên không áp dụng.

[3]. Về trách nhiệm dân sự: Anh S không đề nghị trách nhiệm dân sự nên Tòa không xét.

[4]. Về vật chứng:

Trả lại anh Vũ Văn S 01 chiếc xe máy Honda Airblade màu đen, BKS 34P4-7888, số khung 05AY513809, số máy 27E0533306 và 01 đăng ký xe máy Honda Airblade BKS 34P4 – 7888 tên chủ xe Khổng Thị Kim D.

Trả lại cho bị cáo Vũ Văn V: 01 chiếc xe máy nhãn hiệu ESPERO màu ghi, BKS 29AB-175.63 số khung: RPEVCBJPELA491876, số máy VDEJQ139FMBC491876 kèm theo đăng ký xe ESPERO BKS29AB-175.63 tên chủ xe Vũ Văn V.

[5]. Về án phí: Xét bị cáo là hộ cận nghèo thuộc diện được miễn án phí nên không áp dụng.

[6]. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người tham gia tố tụng khác có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Vũ Văn V phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, q, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự;

Phạt: Bị cáo **Vũ Văn V** 12 (Mười hai) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 (Hai bốn) tháng kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện P, thành phố Hà Nội kết hợp cùng gia đình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về vật chứng: Căn cứ Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Trả lại anh Vũ Văn S 01 chiếc xe máy Honda Airblade màu đen, BKS 34P4-7888, số khung 05AY513809, số máy 27E0533306 và 01 đăng ký xe máy Honda Airblade BKS 34P4 – 7888 tên chủ xe Khổng Thị Kim Dung.

Trả lại cho bị cáo Vũ Văn V: 01 chiếc xe máy nhãn hiệu ESPERO màu ghi, BKS 29AB-175.63 số khung: RPEVCBJPELA491876, số máy VDEJQ139FMBC491876 kèm theo đăng ký xe ESPERO BKS 29AB-175.63 tên chủ xe Vũ Văn V.

(02 xe máy trên hiện được lưu giữ tại Chi cục Thi hành án huyện P theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 29/6/2022; 02 giấy đăng ký xe hiện lưu giữ trong hồ sơ vụ án)

3. Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án: Bị cáo không phải nộp án phí HSST

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, 333 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017: Bị cáo, người đại diện theo pháp luật của bị cáo, người bào chữa cho bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại, người liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt bản án hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND TP Hà Nội;

- VKSND huyện P;
- Công an huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- Bị cáo; Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Trí T